

Bản án số: 75/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28/08/2017

V/v: Ly hôn giữa anh L1
và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Minh Hải

2. Ông Nguyễn Xuân Chung

Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Hương Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L2, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 28/08/2017 tại trụ sở toà án nhân dân huyện L2, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 234/2017/TLST- HNGĐ ngày 12/06/2017 về “Ly hôn, con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74A/2017/QĐXX- ST ngày 01/08/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Giáp Văn L1 sinh năm 1987 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đặng Thị T sinh năm 1992 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện L2, tỉnh Bắc Giang.

(Anh L1, chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 02/06/2017, các bản tự khai anh Giáp Văn L1 là nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị T ngày 15/02/2013. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện H1, tỉnh H2. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về thôn H, xã K, huyện L2, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 05/2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình dẫn đến nhiều lúc vợ chồng xảy ra xô xát, không bảo được nhau, việc của ai người đó làm. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 05/2016 và cũng

chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Giáp Hoàng M sinh ngày 22/06/2014, hiện đang ở với chị T, cháu phát triển bình thường. Nay ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi, anh hoàn toàn nhất trí. Nếu chị T yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đề nghị Tòa án cho anh được tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con vì hiện anh chưa có công ăn việc làm ổn định.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do công việc bận anh xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn là chị Đặng Thị T xác nhận một phần lời khai của anh L1 và trình bày trong bản tự khai: Sau khi kết hôn vợ chồng về sống hòa thuận đến tháng 05/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng cũng chấm dứt mọi quan hệ và sống ly thân từ tháng 05/2016 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh L1 xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Giáp Hoàng M sinh ngày 22/06/2014, hiện đang ở với chị, cháu phát triển bình thường. Nay ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi và yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 1.000.000đ đến khi cháu M 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do công việc bận chị xin được vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[2] *Về tố tụng:* Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án nh^ưng anh Giáp Văn L1 và chị Đặng Thị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

[3] *Về nội dung vụ án:* Anh Giáp Văn L1 và chị Đặng Thị T kết hôn ngày 15/02/2013 theo giấy chứng nhận kết hôn số 14. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện H1, tỉnh H2. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về thôn H, xã K, huyện L2, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Mặc dù có 1 con chung nhưng tình cảm giữa anh L1 và chị T vẫn không xây dựng hạnh phúc được với nhau. Từ tháng 05/2016 giữa anh L1 và chị T luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, hai bên thường xuyên xảy ra xô xát, từ đó việc của ai người đó làm, sống lạnh nhạt không có hạnh phúc, anh L1 và chị T chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khi xảy ra mâu thuẫn. Anh L1 xin được ly hôn chị T, chị T

cũng nhất trí. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa anh L1 và chị T không còn nên cần giải quyết cho anh L1 được ly hôn chị T. Xét như vậy là phù hợp với Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về quan hệ nuôi con chung*: Vợ chồng có 1 con chung Giáp Hoàng M sinh ngày 22/06/2014, hiện đang ở với chị T, cháu phát triển bình thường. Nay ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi, anh L1 cũng nhất trí. Xét thấy yêu cầu của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, nay cần giao cho chị T trực tiếp nuôi con. Chị T yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/1tháng đến khi con 18 tuổi. Anh L1 đề nghị HĐXX xem xét cho anh được tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh không có công ăn việc làm ổn định nên không có nguồn thu nhập, hiện tại anh rất khó khăn trong cuộc sống. HĐXX xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của anh L1 và chị T nên chị T yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, nhưng xét thấy mức yêu cầu của chị T là quá cao mà chỉ buộc anh L1 mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 600.000đ/1tháng kể từ tháng 10/2017 đến khi con 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh L1 được quyền thăm nom con, chị T không được cản trở anh L1 thực hiện quyền này.

[5] *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác*: Anh L1, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Anh L1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 21; Điều 28, Điều 147, Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho ly hôn giữa anh Giáp Văn L1 và chị Đặng Thị T.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Giáp Hoàng M sinh ngày 22/06/2014 cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh L1 phải đóng góp nuôi con với chị T số tiền là 600.000đ/1tháng (Sáu trăm nghìn đồng trên một tháng) kể từ tháng 10/2017 đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh L1 được quyền thăm nom con, chị T không được cản trở anh L1 thực hiện quyền này.

3. Án phí: Anh Giáp Văn L1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu số AA/2017/0002530 ngày 12/06/2017 tại chi cục thi hành án huyện L2. Anh L1 còn phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh ;
- VKSND huyện L2;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện;
- UBND xã K;
- UBND xã Khương Lễ,
- huyện H1, tỉnh H2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ . VP./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toàn